

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 4/1  
NH 2022-2023**

| STT | Họ                  | Tên    | Lớp | Nữ | 2B | BT | Ghi chú                         |
|-----|---------------------|--------|-----|----|----|----|---------------------------------|
| 1   | Mai Văn Trường      | An     | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 2   | Lê Ngọc Phương      | Anh    | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 3   | Nguyễn Lê Bảo       | Anh    | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 4   | Phạm Nguyễn Minh    | Anh    | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 5   | Phạm Thị Lan        | Anh    | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 6   | Phan Ngọc Minh      | Anh    | 4/1 | 1  | 1  |    |                                 |
| 7   | Lưu Thiên           | Băng   | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 8   | Cù Thiên            | Bảo    | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 9   | Nguyễn Quốc         | Bảo    | 4/1 |    | 1  |    | Ngày tháng năm sinh: 18/10/2013 |
| 10  | Huỳnh Thành         | Danh   | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 11  | La Hoàng            | Duy    | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 12  | Nguyễn Trần Nhật    | Duy    | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 13  | Trần Hoàng Bảo      | Giao   | 4/1 | 1  | 1  |    |                                 |
| 14  | Trương Nguyễn Khánh | Hà     | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 15  | Châu Gia            | Hân    | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 16  | Phạm Ngọc Khánh     | Hùng   | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 17  | Nhan Quốc           | Hưng   | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 18  | Phan Nguyễn Gia     | Hưng   | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 19  | Đoàn Tuấn           | Kiệt   | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 20  | Chung Viết Tuệ      | Lâm    | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 21  | Nguyễn Hoàng        | Lân    | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 22  | Nguyễn Phạm Gia     | Long   | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 23  | Nguyễn Hoàng        | Minh   | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 24  | Trần Duy            | Minh   | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 25  | Phan Kim            | Ngân   | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 26  | Nguyễn Ngọc Kim     | Ngân   | 4/1 | 1  | 1  |    |                                 |
| 27  | Phạm Bảo            | Ngọc   | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 28  | Nguyễn Khôi         | Nguyên | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 29  | Phan Đại            | Phát   | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 30  | Huỳnh Ngọc Diễm     | Phúc   | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 31  | Mai Hoàng           | Phúc   | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 32  | Nguyễn Đắc          | Phúc   | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 33  | Đặng Minh           | Quân   | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 34  | Lê Anh              | Quân   | 4/1 |    |    | 1  | chuyển đến                      |
| 35  | Hồ Mai Bảo          | Quyên  | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 36  | Vũ Phan             | Thiết  | 4/1 |    |    | 1  |                                 |
| 37  | Nguyễn Thanh        | Thúy   | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 38  | Nguyễn Ngọc Bảo     | Thy    | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |
| 39  | Nguyễn Trung        | Tín    | 4/1 |    | 1  |    |                                 |
| 40  | Hoàng Ngọc Đoan     | Trang  | 4/1 | 1  |    | 1  |                                 |

|                  |                  |       |     |           |           |           |                                 |
|------------------|------------------|-------|-----|-----------|-----------|-----------|---------------------------------|
| 41               | Nguyễn Thị Thùy  | Trang | 4/1 | 1         | 1         |           |                                 |
| 42               | Nguyễn Trần Ngọc | Trúc  | 4/1 | 1         | 1         |           |                                 |
| 43               | Châu Anh         | Tú    | 4/1 |           |           | 1         |                                 |
| 44               | Lê Quang         | Vinh  | 4/1 |           | 1         |           |                                 |
| 45               | Vũ Ngọc Tường    | Vy    | 4/1 | 1         |           | 1         |                                 |
| 46               | Huỳnh Như        | Ý     | 4/1 | 1         | 1         |           |                                 |
| 47               | Nguyễn Ngọc Như  | Ý     | 4/1 | 1         |           | 1         | Ngày tháng năm sinh: 05/11/2013 |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |       |     | <b>22</b> | <b>18</b> | <b>29</b> |                                 |

**Tổng cộng:**

**47 HS**

*Bình Thạnh, ngày 10 tháng 8 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Hoàng Anh**